

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-4-2022.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa
Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2022 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị L

Nơi cư trú: thôn T, xã L, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Phan Thành T

Nơi cư trú: thôn T, xã L, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:** Bà và ông Phan Thành T đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã NH, được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2010 ngày 27/10/2010. Sau khi kết hôn, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông T ghen tuông vô cớ, đánh đập, sỉ nhục bà và gia đình bà. Trong gia đình, bà là người lao động chính, còn ông T chỉ biết nhậu nhẹt, không quan tâm gì đến vợ con. Vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn và cho ông T nhiều cơ hội để thay đổi, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy. Nay tình cảm không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan Thành T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phan Hồ Thanh T1 và Phan Hồ Thanh T2. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toà án nhân dân thị xã NH sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn bà Hồ Thị L còn bị đơn ông Phan Thành T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì thế Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị L và cho bà L được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Bà L và ông T có hai con chung là các cháu Phan Hồ Thanh T1 và Phan Hồ Thanh T2. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các cháu T1, T2 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Bà L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Phan Thành T đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do vì thế Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hồ Thị L và ông Phan Thành T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2010 ngày 27/10/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông T không làm ăn chăm lo cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ, những lúc say xỉn còn sỉ nhục bà L và gia đình bà. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, điều này cho thấy các bên đã không còn tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. *Về con chung:* Bà Hồ Thị L và ông Phan Thành T có 02 con chung là các cháu Phan Hồ Thanh T1 và Phan Hồ Thanh T2. Sau khi ly hôn, bà Lang có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, hai cháu còn nhỏ và đều là con gái nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao các cháu Phan Hồ Thanh T1 và Phan Hồ Thanh T2 cho bà Hồ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

Ông Phan Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phan Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L.

- Về hôn nhân: Bà Hồ Thị L được ly hôn với ông Phan Thành T.

- Về con chung: Giao các cháu Phan Hồ Thanh T1 và Phan Hồ Thanh T2 cho bà Hồ Thị Lang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị L không yêu cầu nên không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004158 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NH. Bà Hồ Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phan Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường H, TX. NH (GCNKH số 64, quyển số 01/2010 ngày

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

27/10/2010);
- Chi cục THADS thị xã NH;
- Lưu HS, AV.

Ngô Thị Thanh Huyền